

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2025
“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cao Trần Bích T**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Nay là Thôn Q, xã L, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai. Nay là Thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Cao Trần Bích T trình bày:

Bà Cao Trần Bích T và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2017 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không giải quyết được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông S. Bà T không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Bà T và ông S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án tuy nhiên trong quá trình giải quyết, ông S đều vắng mặt không có lý do tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Trần Bích T đối với ông Nguyễn Văn S.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Bản phô tô Giấy ghi nợ; Giấy xác nhận thông tin cư trú; Bản tự khai của đương sự; Biên bản ghi ý kiến; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Cao Trần Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đơn khởi kiện của bà Cao Trần Bích T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn S cư trú tại Thôn H, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai, nay là thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

[1.2] Nguyên đơn bà Cao Trần Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng thực hiện nghĩa vụ thanh toán chung khoản vay 1.500.000.000 đồng cho ông Cao Trần Quốc T1, sinh năm 1996 ở địa chỉ thôn Q, xã L, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu này, ông Cao Trần Quốc T1 có ý kiến không yêu cầu tòa án giải quyết về khoản nợ chung trong vụ án, do vậy Tòa án không đưa ông T1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Cao Trần Bích T và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 09/10/2017. Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định pháp luật và có đăng ký kết hôn hợp lệ, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, từ năm 2019 giữa bà T và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông S. Xét thấy, hiện tại bà T và ông S không còn chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình; tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Trần Bích T.

[3] Về con chung: Bà Cao Trần Bích T và ông Nguyễn Văn S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Cao Trần Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn,
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Trần Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Trần Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí:

Buộc bà Cao Trần Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007257 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Cao Trần Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Cao Trần Bích T và ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8 – Gia Lai;
- Dương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Quảng